

	Chinese	Trad.	Pinyin	Definition
1	嗨	嗨	hāi	oh alas
2	去	去	qù	to go
3	过	過	guò	to cross
4	漂亮	漂亮	piào liang	pretty
5	家	家	jiā	home
6	公司	公司	gōng sī	(business) company
7	做	做	zuò	to do
8	什么	什麼	shén me	what?
9	工作	工作	gōng zuò	to work
10	短	短	duǎn	short
11	视频	視頻	shì pín	video
12	景点	景點	jǐng diǎn	scenic spot
13	谷歌	谷歌	gǔ gē	Google, Internet company and search engine
14	懂	懂	dǒng	to understand
15	帮	幫	bāng	to help
16	听说	聽說	tīng shuō	to hear (sth said)
17	希望	希望	xī wàng	to wish for
18	哪	哪	nǎ	how
19	国人	國人	guó rén	compatriots (literary)
20	练习	練習	liàn xí	to practice
21	香港	香港	xiāng gǎng	Hong Kong